

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2020/HS-ST
Ngày: 22-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Huy Hoàng.

Ông Phan Hoàng Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 đến 22 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 212/2020/TLST- HS ngày 22/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2020/QĐXXST– HS ngày 23/11/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn H** (Tên gọi khác: H1); sinh năm 1988; giới tính: Nam; nơi sinh: Cà Mau; thường trú: Ấp Tân Thành M, xã Rạch C, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Không; họ tên cha: Lê Văn H4; họ tên mẹ: Huỳnh Thị S; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 13/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 264/2012/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/4/2013, qua xác minh H chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và nộp số tiền 700.000 đồng sung quỹ nhà nước; Ngày 18/8/2017, bị Tòa án nhân dân Quận N, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 163/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/9/2019, chưa xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/4/2020 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Cổng Thị Ngọc Y**; sinh năm 1988; giới tính: nữ; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Q2 Cư xá Lữ G, phường Q, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Không; họ tên cha: Cổng

Văn L; họ tên mẹ: Lương Kim H5; bị cáo không có chồng; có 04 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Nhân thân: Ngày 25/9/2009, bị Tòa án nhân dân quận Tân P, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 250/2009/HSST. Ngày 21/01/2014 thi hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/4/2020 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phạm Tuấn Kh** (Tên gọi khác: Tiên); sinh năm 1992; giới tính: Nam; nơi Sinh: Long An; Tthường trú: 182/4 ấp Xuân H2, xã Thanh Vĩnh Đ, huyện Châu Th, tỉnh Long an; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; họ tên cha: Phạm Văn Th; họ tên mẹ: Định Thị H5; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/4/2020 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Võ Thị Thanh Tr**; sinh năm 1986; giới tính: Nữ; nơi sinh: Phú yên; Thường trú: Ấp Thanh A, xã Láng D; huyện Đất Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; họ và tên cha: Võ Văn Ng; họ và tên mẹ: Hứa Thị Thu Th1; bị cáo không có chồng, có 02 người con sinh lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 17/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc M, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 14 năm tù theo Bản án số 63/2018/HSST. Ngày 28/12/2018, bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định truy nã, ngày 28/8/2020 Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đình nã. Bị cáo chưa thi hành Bản án này.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/4/2020 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Ông Phùng Hữu H2, sinh năm 1993 – Vắng mặt.

Địa chỉ: C4/24 ấp 3, xã Vĩnh L1, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Hộ kinh doanh Nguyễn Thị H3.

Đại diện hộ kinh doanh: Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1987 – Vắng mặt.

Nhân viên hộ kinh doanh: Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1989 – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 713 Trường Ch, phường Tây Th2, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Hoàng M.

Đại diện hộ kinh doanh: Ông Lê Quang Ch, sinh năm 1975

Người đại diện theo ủy quyền Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1988 – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 96/2B Nguyễn Ảnh T1, ấp Tây L1, xã Bà Đ1, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Hộ kinh doanh Long Nh.

Đại diện hộ kinh doanh: Ông Đỗ Thanh T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 872 Âu Cơ, Phường P, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân viên hộ kinh doanh Ông Nguyễn Thanh L – Vắng mặt.

Địa chỉ: 872 Âu Cơ, Phường P, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H và Cống Thị Ngọc Y chung sống như vợ chồng từ năm 2015. Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 14/4/2020, H và Y đi bộ đến trước khu công nghiệp Vĩnh L trên Quốc lộ 1A, phường Bình Hưng H, quận Bình T thì H nảy sinh ý định đón xe ôm đến khu vực vắng người để chiếm đoạt tài sản lấy tiền mua ma túy sử dụng. Lúc này, H chuẩn bị sẵn 01 con dao bấm và nhìn thấy anh Phùng Hữu H2 mặc đồng phục màu đỏ (tài xế xe Goviet) điều khiển xe mô tô biển số 49F1-207.81 chạy đến gần, H và Y gọi lại và yêu cầu anh H2 chở đến cầu Bà T thuộc ấp 2, xã Phạm V, huyện Bình Ch sẽ tính tiền, anh H2 đồng ý. H lên xe đội mũ bảo hiểm do anh H2 đưa rồi ngồi giữa, Y ngồi sau. Khi anh H2 chở H và Y đến đường Trần Hải Ph thì H nói không gặp người quen nên kêu anh H2 quay xe ra. Khi anh H2 điều khiển xe đến khu vực vắng người thuộc ấp 2, xã Phạm V, H cố ý làm rớt chiếc dép và yêu cầu anh H2 dừng xe lại. H kêu Y đi nhặt chiếc dép cho H. Khi Y xuống xe đi nhặt dép thì H rút con dao ra cầm bên tay phải và dí vào eo anh H2 và nói “Tao đâm chết mẹ mày”. Thấy vậy, anh H2 hoảng sợ nhảy xuống xe bỏ xe lại chạy bộ và tri hô “Cướp, Cướp”. Lúc này, H liền nhảy lên xe máy của anh H2 chở Y tẩu thoát về hướng cầu Bà T rồi chạy ra đường Trường Ch, quận Tân P, thành phố Hồ Chí Minh.

H và Y bán chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 gắn trên xe của anh H2 cho anh Nguyễn Văn H4 là nhân viên điện thoại Ngọc D, địa chỉ: 719 Trường Ch, phường Tây Th1, quận Tân P, thành phố Hồ Chí Minh với giá 400.000 đồng.

Sau đó, H và Y kiểm tra bên trong cốp xe của anh H2 phát hiện có 01 sổ giấy tờ của anh H2 gồm 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phùng Hữu H2. H và Y đem sổ giấy tờ này đến tiệm cầm đồ Hoàng M do anh Hoàng Văn V làm nhân viên tại địa chỉ: 96/2B Nguyễn Ảnh Th, ấp Tây L, xã Bà Đ1, huyện Hóc M cầm được 300.000 đồng. Số tiền này, H và Y cùng nhau tiêu xài hết.

Cùng ngày, H và Y đem xe mô tô biển số 49F1-207.81 của anh H2 cầm cho ông Nguyễn Thanh L là nhân viên cầm đồ “Long Nh” tại địa chỉ: 872 Âu C, phường P, quận Tân B, thành phố Hồ Chí Minh giá 4.000.000 đồng. Và cả hai đã tiêu xài hết số tiền trên.

Đến ngày 17/4/2020, Y đến nhà trọ của Phạm Tuấn Kh và Võ Thị Thanh Tr (chung sống như vợ chồng) tại địa chỉ 59/23, ấp Tiên L1, xã Bà Đ1, huyện Hóc M chơi. Tại đây, Y giới thiệu cho Kh và Tr mua xe mô tô biển số 49F1-207.81 thì Kh và Tr đồng ý mua. Sau đó, Y nói lại cho H việc Kh và Tr muốn mua xe. H gặp Kh và Tr nói chiếc xe mô tô biển số 49F1-207.81 là do H và Y mới cướp được và đã đem thế chấp với giá 5.500.000 đồng. Tr và Kh biết xe do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng mua

chiếc xe này. H dẫn Kh đến tiệm cầm đồ “Long Nh” và kêu Kh đưa cho H 5.500.000 đồng và đứng ở ngoài chờ để H vào chuộc xe. H vào trong tiệm cầm đồ “Long Nh” chuộc xe xong chạy về gặp Tr, Tr đưa thêm cho H 200.000 đồng và lấy xe. Sau khi mua xe, Kh thay biển số 49F1-207.81 bằng biển số 59N2-930.84 để Kh và Tr sử dụng.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, anh H2 đến công an xã Phạm V trình báo sự việc. Qua truy xét ngày 19/4/2020, Công an xã Phạm V đã triệu tập Lê Văn H, Cống Thị Ngọc, Y Phạm Tuấn Kh và Võ Thị Thanh Tr đến ghi lời khai, lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Công an huyện Bình Chánh thụ lý theo thẩm quyền (Bút lục: 185-188, 248-249).

Kết luận định giá tài sản số 1207/HĐĐGTTHS-TCKH ngày 22/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Huyện Bình Chánh kết luận: *“01 xe mô tô biển số 49F1-207.81 có giá là 11.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 không xác định thời điểm mua ban đầu nên không có cơ sở xác định giá trị còn lại”*.

Tại bản Cáo trạng số 198/CT- VKS ngày 21 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Cướp tài sản” theo điểm d và điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, truy tố Cống Thị Ngọc Y về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Phạm Tuấn Kh và Võ Thị Thanh Tr về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

1. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d và điểm h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Văn H với mức án từ 08 đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Cống Thị Ngọc Y với mức án từ 07 đến 08 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Tuấn Kh với mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Võ Thị Thanh Tr với mức án từ 12 đến 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 14 năm tù của Bản án số 63/2018/HSST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo H và bị cáo Y nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 6.400.000 đồng.

2. Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố các bị cáo. Các bị cáo cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn H, Cống Thị Ngọc Y, Phạm Tuấn Kh và Võ Thị Thanh Tr tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, thu giữ vật chứng, kết quả định giá tài sản... cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn H và Cống Thị Ngọc Y đã phạm tội “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Phạm Tuấn Kh và Võ Thị Thanh Tr đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố các bị cáo với các tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[2]- Tội phạm mà các bị cáo gây ra là nguy hại cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng do bản tính tham lam, biếng lười lao động nên các bị cáo cố ý phạm tội. Do đó, khi lượng hình cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian phù hợp với hành vi phạm tội, nhân thân, lai lịch của từng bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3]- Đây là vụ án có đồng phạm nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, không có sự thỏa thuận phân chia tài sản thu lợi bất chính. Xét vai trò của từng bị cáo như sau:

- Đối với bị cáo Lê Văn H là người trực tiếp rủ rê bị cáo Cống Thị Ngọc Y cùng thực hiện hành vi phạm tội “Cướp tài sản”, bị cáo H là người giữ vai trò chính và là người trực tiếp trong việc thực hiện hành vi dùng con dao bấm đem theo trong người ra dí vào eo của bị hại là anh Phùng Hữu H2 và nói “Tao đâm chết mẹ mày”. Do bị uy hiếp nên anh H2 hoảng sợ bỏ xe chạy và tri hô “Cướp, cướp”. Sau đó, H liền cướp và leo lên xe mô tô biển số 49F1-207.81 của anh H2 chở Y tẩu thoát về hướng cầu Bà T rồi chạy ra đường Trường Ch tẩu thoát. Hành vi này của Lê Văn H đã phạm vào tội “Cướp tài sản”. Ngoài ra, bị cáo Lê Văn H đã có 02 tiền án: Ngày 13/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 264/2012/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/4/2013, qua xác minh H chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và nộp số tiền 700.000 đồng sung quỹ nhà nước; Ngày 18/8/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 163/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/9/2019. Chưa xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, cần áp dụng điểm h và điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo H là phù hợp.

- Đối với bị cáo Công Thị Ngọc Y là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo H và là người giả vờ đi nhặt chiếc dép bị rơi để H có cơ hội dùng dao bấm khống chế anh H2 nhằm mục đích cướp chiếc xe máy của anh H2 để bán lần tiền sử dụng ma túy. Hành vi này của Y cũng đã phạm vào tội “Cướp tài sản”. Bên cạnh đó, Y còn có nhân thân xấu: Ngày 25/9/2009, Y bị Tòa án nhân dân quận Tân P xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 250/2009/HSST. Ngày 21/01/2014 thi hành xong hình phạt tù, tuy nhiên bị cáo không biết ăn năn hối cải, tu chí làm ăn lương thiện, lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội và hành nghề gái mại dâm, chứng tỏ bị cáo rất xem thường pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo Y là phù hợp.

- Đối với Phạm Tuấn Kh và Võ Thị Thanh Tr tuy biết xe mô tô biển số 49F1-207.81 do H và Y phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua chiếc xe từ H và Y. Sau khi mua xe, Kh thay biển số 49F1-207.81 bằng biển số 59N2-930.84 để cả hai sử dụng. Hành vi này của Kh và Tr đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo Kh và Tr là phù hợp.

Riêng bị cáo Võ Thị Thanh Tr đã có 01 tiền án: Ngày 17/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 14 năm tù theo Bản án số 63/2018/HSST. Nay lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo chưa thi hành Bản án 63/2018/HSST ngày 17/5/2018 này và bỏ trốn. Ngày 28/12/2018, bị cáo Tr bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định truy nã, Trong thời gian bị truy nã Tr lại phạm tội mới trong vụ án này và bị bắt tạm giam ngày 19/4/2020. Ngày 28/8/2020, Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đình nã. Ngoài ra, Bản án số 63/2018/HSST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã có hiệu lực pháp luật nên tại Bản án này Hội đồng xét xử cần tổng hợp hình phạt của Bản án số 63/2018/HSST ngày 17/5/2018 đối với bị cáo Võ Thị Thanh Tr theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo.

[4]- Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần cân nhắc đến các tình tiết các bị cáo tại phiên tòa thành khẩn khai báo và đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

Riêng bị cáo Phạm Tuấn Kh phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và chưa có tiền án tiền sự nên cần giảm nhẹ thêm cho bị cáo Kh theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5]- Đối với ông Nguyễn Văn H4 là người trực tiếp mua chiếc điện thoại do H cướp được của anh H2 tại cửa hàng điện thoại Ngọc D tại địa chỉ: 719 Trường Ch, phường Tây Th1, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị H3 làm chủ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41X8027567 ngày 07/9/2016 của Ủy ban nhân dân quận Tân P. Bà H3 cho ông Nguyễn Văn H4 (là em ruột bà H3) làm nhân viên, không có hợp đồng lao động và không có ủy quyền. Qua làm việc với ông H4 và bà H3 thì cả hai xác định không biết điện thoại này do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý hình sự.

[6]- Đối với ông Hoàng Văn V là quản lý tiệm cầm đồ Hoàng M do ông Hoàng Văn V làm chủ tại địa chỉ: 96/2B Nguyễn Ảnh Th1, ấp Tây L, xã Bà Đ1, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh, V là người trực tiếp cầm 01 số giấy tờ của H gồm 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phùng Hữu H2. Qua xác minh: Tiệm cầm đồ này do ông Lê Quang Ch làm chủ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41S8025124 ngày 11/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc M tuy nhiên ông Ch đã làm Hợp đồng ủy quyền ngày 06/7/2019 cho ông Hoàng Văn V toàn quyền quản lý. Ông V không biết các loại giấy tờ trên do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý hình sự.

[7]- Đối với ông Nguyễn Thanh L là nhân viên chủ tiệm cầm đồ “Long Nh” tại địa chỉ: 872 Âu C, Phường P, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh: Tiệm cầm đồ này do ông Đỗ Thanh T làm chủ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41N8043802G ngày 02/7/2019 của Ủy ban nhân dân quận Tân B. Ông T đã làm Hợp đồng ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn L vào ngày 10/9/2019 toàn quyền quản lý, ông Nguyễn Văn L có thuê ông Nguyễn Thanh L là em cùng quê làm nhân viên không có hợp đồng lao động. Qua làm việc ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Thanh L không biết chiếc xe máy 49F1-207.81 do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý hình sự.

[8]- Về vật chứng vụ án:

- Đối với các vật chứng gồm: 01 xe máy sirius có số máy SM 1FC3150077, số khung FC 30FY150076; 01 biển số 49F1-207.81; 01 giấy đăng ký xe biển số mô tô biển số 49F1-207.81 mang tên Phùng Hữu H2; 01 thẻ ngân hàng Viettinbank mang tên Phùng Hữu H2; 01 thẻ khách hàng vay tiêu dùng mang tên Nguyễn Trọng Thức; 01 chứng minh nhân dân bản chính tên Phùng Hữu H2; 01 giấy phép lái xe bản chính. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bình Chánh đã giao trả cho anh H2 ngày 25/6/2020. Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với các vật chứng 01 nón bảo hiểm có logo GoViệt, 01 áo thun nam màu xám đen và 01 quần jean nam màu xanh. Xét đây là vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 sau khi mua của Lê Văn H thì anh Nguyễn Văn H4 đã bán lại cho người không rõ lai lịch nên không thu giữ được. Ông H2 không yêu cầu bồi thường chiếc điện thoại này nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với con dao dùng để gây án: H khai tối ngày 17/4/2020 đã bị lực lượng tuần tra khu vực xã Bà Đ1, huyện Hóc M thu giữ. Quá trình xác minh Công an xã Bà Đ1 không thu giữ được con dao. Hội đồng xét xử không xét.

[9]- Về dân sự: Bị hại là ông Phùng Hữu H2 đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường. Riêng đối với chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 không thu hồi được ông H2 cũng không yêu cầu bồi thường. Hội đồng xét xử không xét.

Ông Nguyễn Văn H4, ông Hoàng Văn V, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H3 không yêu cầu bồi thường số tiền đã bỏ ra để cầm các tài sản mà bị cáo H và Y đã đem cầm cố. Hội đồng xét xử không xét.

[10]- Về số tiền thu lợi bất chính: Ghi nhận việc bị cáo Lê Văn H và Công Thị Ngọc Y đồng ý nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc cầm cố các tài sản của bị hại tổng cộng là 6.400.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

[11]- Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo cũng như giải quyết phần xử lý vật chứng.

[12]- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử:

Đối với Điều tra viên: Việc xác định nhân thân trong Lý lịch bị can Võ Thị Thanh Tr và Phạm Tuấn Kh quá sơ sài, chưa được rõ ràng chuẩn xác và tH thông tin cụ thể dẫn đến việc phải điều chỉnh và bổ sung nhiều lần. Đề nghị rút kinh nghiệm.

Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[13]- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d điểm h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo: **Lê Văn H 09 (Chín) năm tù** về tội “Cướp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2020.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo: **Cổng Thị Ngọc Y 08 (Tám) năm tù** về tội “Cướp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2020.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s và điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo: **Phạm Tuấn Kh 09 (Chín) tháng tù** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2020.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52 và Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo: **Võ Thị Thanh Tr 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tổng hợp hình phạt 14 năm tù của Bản án số 63/2018/HSST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung hình phạt của hai Bản án là **15 (Mười lăm) năm 03 (Ba) tháng tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2020.

5. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Lưu giữ cùng hồ sơ: 01 USB ghi lại hình ảnh anh Phùng Hữu H2 điều khiển xe chở Lê Văn H và Cổng Thị Ngọc Y; 01 Đĩa ghi âm, ghi hình của H và Y; 01 Đĩa ghi

âm, ghi hình của H và Y; 01 giấy chứng minh nhân dân bản pho to mang tên Phùng Hữu H2; 01 sổ hộ khẩu gia đình bản pho to mang tên Sơn Thị Ut; 01 biên nhận cầm đồ tại dịch vụ cầm đồ Hoàng M.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm có logo GoViệt; 01 áo thun nam màu xám đen, 01 quần jean nam màu xanh.

- Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh tạm giữ và tiếp tục xác minh chờ xử lý sau 01 biển số xe số 59N2-930.84.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao, nhận vật chứng được lập vào hồi 11 giờ 00 ngày 07/8/2020).

6. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là ông Phùng Hữu H2 đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường. Riêng đối với chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 không thu hồi được ông H2 cũng không yêu cầu bồi thường. Hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H4, ông Hoàng Văn V, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H3 không yêu cầu bồi thường số tiền đã bỏ ra để cầm các tài sản mà bị cáo H và Y đã đem cầm cố. Hội đồng xét xử không xét.

7. Về số tiền thu lợi bất chính: Ghi nhận việc bị cáo Lê Văn H và Cống Thị Ngọc Y nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc cầm cố các tài sản của bị hại tổng cộng là 6.400.000 (Sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng vào ngân sách nhà nước.

8. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận toàn sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân H. Bình Chánh (1);
- Công an huyện Bình Chánh (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Bình Chánh (1);
- PC53- Công an TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Bị cáo (8);
- Bị hại (2);
- Đương sự (6);
- Lưu VP, hồ sơ (5).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền